TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK	**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, bà Trần Cẩm Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 308/2026/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lương Quang T, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn 9B, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn 9B, xã E, tỉnh Đắk Lắk, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lương Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Lương Quang và bà Hồ Thị Ngọc T sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Krông Pắc (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/10/2012.

Sau khi về chung sống với nhau theo ông T, đến năm 2014 vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà T và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Lương Chấn H, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Lương Tấn K, sinh ngày 27/3/2011. Các cháu đang sinh sống cùng với ông T từ năm 2014 đến nay, ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hiện nay, ông T đang làm nông tại nhà, thu nhập làm từ rẫy cà phê 01ha, thu nhập hàng năm khoảng 300.000.000 đồng, nên ông T đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 03/10/2012. Sau khi về chung sống, đến năm 2014 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Vì vậy, bà T đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là cháu Lương Chấn H, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Lương Tấn K, sinh ngày 27/3/2011. Hiện nay, các cháu đang sinh sống ổn định với ông T nên bà T đồng ý giao hai cháu cho ông T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lương Quang T được ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Lương Chấn H, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Lương Tấn K, sinh ngày 27/3/2011 cho ông Lương Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Ông Lương Quang T và bà Hồ Thị Ngọc T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông T khởi kiện xin ly hôn với bà T có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Krông Pắc (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk. Quá trình tham gia tố tụng, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bà T trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với ông T và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện và cho ông T được ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Lương Chấn H, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Lương Tấn K, sinh ngày 27/3/2011. Hiện nay, các cháu đang sinh sống cùng ông T và có nguyện vọng sống cùng bố, ông T cũng có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung cho đến

khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà T đồng ý giao hai cháu cho ông T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, nguyện vọng của ông T là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lương Chấn H, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Lương Tấn K, sinh ngày 27/3/2011 cho ông T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lương Quang T được ly hôn với bà Hồ Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Lương Chấn H, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Lương Tấn K, sinh ngày 27/3/2011 cho ông Lương Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bà Hồ Thị Ngọc T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Hồ Thị Ngọc T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: ông Lương Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007222 ngày 23/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4- Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang